TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-PT
Ngày: 02-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2023/QĐ-PT, ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thành K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số I, đường S, Khóm A, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Võ Hùng H, sinh năm 1984; địa chỉ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long "Theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021" (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Thạch Thị Sa B, sinh năm 1965 (vắng mặt)
2. Anh Kim Thanh S, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Cùng K, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Anh Kim Thanh S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Thành K trình bày: Vào ngày 23/6/2021, anh có cho anh Kim Thanh S và bà Thạch Thị Sa B vay số tiền bằng 871.000.000

đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1%/1tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Nhưng anh S và bà Sa B không trả tiền vốn và tiền lãi cho anh. Vì vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S và bà Sa B trả số tiền vốn gốc bằng 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng) và trả tiền lãi, theo mức lãi suất 1%/1tháng, thời gian tính lãi suất từ ngày 23/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo bị đơn bà Thạch Thị Sa B trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 5%/1tháng, các lần vay đều viết biên nhận nhưng do anh K giữ. Sau khi vay, bà đóng tiến lãi cho anh K từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng và cũng không có làm biên nhận. Riêng số tiền mà anh K khởi kiện yêu cầu bà trả cho anh K bằng 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng), là do anh K cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc và kêu bà ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2021. Do đó, bà chỉ đồng ý trả cho anh K tiền vốn gốc bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) và trả tiền lãi bằng 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Theo bị đơn anh Kim Thanh S trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Sa B. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành K.

2. Buộc anh Kim Thanh S và bà Thạch Thị Sa B có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thành K tổng số tiền bằng 1.040.801.450 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Trong đó: Vốn gốc bằng 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi bằng 169.801.450 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, anh Kim Thanh S làm đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền vốn và tiền lãi cho anh Phan Thành K theo quyết định của bản án sơ thẩm. Anh S chỉ đồng ý trả tiền vốn cho anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) và đồng ý trả tiền lãi bằng 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh S và bà Sa B thừa nhận có viết và ký tên trong *"Tờ hợp đồng vay tiền"* đề ngày 23/6/2021. Theo nội dung *"Tờ hợp đồng vay tiền"* ngày 23/6/2021 thể hiện, bà Sa B và anh S có vay tiền vốn của anh K bằng 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng). Anh S kháng cáo cho rằng chỉ vay tiền vốn của anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), nhưng anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Anh S có cung cấp Vi bằng do Văn phòng T2 lập, nhưng cũng không có nội dung thể hiện anh S và bà Sa B chỉ vay tiền vốn của anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bị đơn bà Thạch Thị Sa B là người không có kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo và đã được Tòa án phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bà Sa B.

[2] Xét thấy, anh Kim Thanh S kháng cáo chỉ đồng ý trả tiền vốn cho anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để cứng minh anh S và bà Thạch Thị Sa B chỉ vay tiền vốn của anh K bằng 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), như anh S và bà Sa B khai. Ngược lại, anh S thừa nhận chữ viết và chữ ký trong *"Tờ hợp đồng vay tiền"* đề ngày 23/6/2021 do anh K cung cấp cho Tòa án sơ thẩm kèm theo Đơn khởi kiện, là do anh S trực tiếp viết và ký tên. Theo nội dung *"Tờ hợp đồng vay tiền"* đề ngày 23/6/2021, thể hiện số tiền anh S và bà Sa B vay của anh K bằng 871.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi mốt triệu đồng) (BL 06). Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh S không có căn cứ chấp nhận.

[3] Ngoài ra, anh S còn kháng cáo đồng ý trả cho anh K số tiền lãi bằng 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Thế nhưng, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc anh S và bà Sa B trả cho anh K số tiền lãi bằng 169.801.450 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi đồng), là ít hơn so với số tiền lãi mà anh S đồng ý trả cho anh K theo nội dung đơn kháng cáo. Do đó, kháng cáo của anh S không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, nội dung *"Tờ hợp đồng vay tiền"* đề ngày 23/6/2021 thể hiện, thời hạn vay tiền là 01 tháng kể từ ngày 23/6/2021, lãi suất là 1%/tháng. Sau thời hạn 01 tháng, anh S và bà Sa B không trả tiền vốn vay cho anh K đúng như thỏa thuận nên anh S và bà Sa B đã vi phạm thời hạn và nghĩa vụ trả nợ cho anh K. Lẽ

ra, cần buộc anh S và bà Sa B có nghĩa vụ trả tiền lãi cho anh K theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nhưng anh K chỉ yêu cầu Tòa án sơ thẩm giải quyết buộc anh S và bà Sa B trả tiền lãi theo một mức lãi suất là 1%/tháng. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh K không có kháng cáo, người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không có quyết định kháng nghị, nên Tòa án phúc thẩm không xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nếu Tòa án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh S kháng cáo không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận, anh S không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm. Do đó, buộc anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh S đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013474, ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Kim Thanh S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 07-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành K.

2. Buộc anh Kim Thanh S và bà Thạch Thị Sa B có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thành K số tiền vốn bằng 871.000.000 đồng và tiền lãi bằng 169.801.450 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi bằng 1.040.801.450 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi triệu tám trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Phan Thành K bằng 19.065.000 đồng (Mười chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007385, ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Buộc anh Kim Thanh S và bà Thạch Thị Sa B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 43.224.043 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi ba đồng).

Buộc anh Kim Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Kim Thanh S đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013474, ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê